|  |  |
| --- | --- |
| SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT GIA LAI**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ****BẢO VỆ THỰC VẬT** z  Số: 05/BC7N-CCTTBVTV | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Gia Lai, ngày 03 tháng 02 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

*(Từ ngày 27/01/2021 đến ngày 02/02/2021)*

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG**

**1.Thời tiết:**

Nhiệt độ trung bình: 21-230C Cao nhất: 27-290C Thấp nhất: 17-190C

Độ ẩm trung bình: 75-80% Cao nhất: 85-90% Thấp nhất: 65-70%

Lượng mưa tổng số: 5-15 mm

Số giờ nắng: 55-95 giờ

Trong tuần, mây thay đổi đến nhiều mây, sáng và tối trời lạnh.

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:**

**a) Cây lúa:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Vụ | Trà | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo cấy (ha) | Diện tích thu hoạch (ha) |
| Đông xuân 2020-2021 | Sớm | Đứng cái - Làm đòng | 7.500 |  |
| Chính vụ | Đẻ nhánh - Đứng cái | 14.500 |  |
| Muộn | Mạ - Đẻ nhánh | 3.106,5 |  |
|  | ***Tổng***: | **25.106,5** |  |

**b) Cây trồng khác:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhóm/ loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) |
| - Cây Ngô | Phát triển thân lá | 2.680,7 |
| - Cây Sắn | Cây con | 9.207,8 |
| - Cây Rau, dưa các loại | Các giai đoạn | 10.052,9 |
| - Đậu các loại | Phát triển thân lá | 3.679 |
| - Cây Cà phê | Chăm sóc | *TM 2020: 802,2; TC: 2.038,8* |
| Chăm sóc | *KTCB: 9.953,5, KD:83.148* |
| - Cây Tiêu | Chăm sóc, quả non | *KTCB: 450, KD:11.797;*  *TM: 53,6* |
| - Cây Mía | Cây con | TM 6.019,2 |
| - Cây Điều | Chăm sóc | *Trồng mới: 1.135,5* |
| Quả non | *Kinh doanh: 16.906* |
| - Cây Cao su | Cạo mủ | KD: 74.270, TC: 626 |
| - Cây Chè | Chăm sóc, thu hái | 795 |
| - Cây hàng năm khác | Các giai đoạn | 1.879,8 |

**3. Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng của thiên tai:** (lũ lụt), vụ Mùa năm 2020

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cây trồng  bị ảnh hưởng | Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục | | | | |
| Giảm NS  30-70% | Mất trắng  (> 70%) | Đã gieo  cấy lại | Đã trồng cây khác | Để đất trống |
| Lúa |  |  |  |  |  |
| Ngô và rau màu |  |  |  |  |  |
| Cà phê |  |  |  |  |  |
| Sắn |  |  |  |  |  |
| Mía |  |  |  |  |  |

**II. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU**

**1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên SVGH | Mật độ (c/m2), tỷ lệ bệnh (%) | | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố | |
| Phổ biến | | Cao | Cục bộ |
| (1) | (2) | (3) | | (4) | (5) | (6) | (7) | |
| **I** | **Cây Lúa**- Gieo sạ-Mạ-Đẻ nhánh-Đứng cái-Làm đòng | | | | | | | |
| 1 | Bọ trĩ | 5,5 | | 20 |  | T3-4 | Kb, Cpr, A. Khê.... | |
| 2 | Tuyến trùng rễ | 8,0 | | 20 |  | C3-5 | Đ. Đoa, Đ. Pơ, IaGrai | |
| 3 | Bệnh đạo ôn lá | 6,6 | | 13,6 |  | C1-3 | Cpr, Pleiku, Krp, IaGrai | |
| 4 | Sâu CLN | 10 | | 25 |  | T3-4 | C.Prông, Đ.Pơ, Pleiku, K. Chro | |
| 5 | Sâu đục thân | 2,0 | | 10 |  | T1-3 | Đ.Cơ, Krp, K. Chro | |
| 6 | Bệnh khô vằn | 1,0 | | 10 |  | C1-3 | Đức Cơ | |
| **II** | **Cây Rau** - Các giai đoạn | | | | | | | |
| 1 | Ruồi đục quả (họ bầu bí) | | 4,0 | 30 |  | N-TT | Pleiku, An Khê | |
| 2 | Bệnh thán thư (cây ớt) | | 5,0 | 12 |  | C3-5 | Đ. Pơ, An Khê | |
| 3 | Sâu tơ (Họ thập tự) | | 5,0 | 18 |  | T3-4 | Pleiku | |
| **III** | **Cây Sắn** - thu hoạch | | | | | | | |
| 1 | Bệnh khảm lá virus | | 11 | 45 |  | C3-5 | Ia Pa, Kb, Phú Thiện, Đ. Pơ, K. Pa, An Khê | |
| **IV** | **Cà phê** - Chăm sóc | | | | | | | |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | | 10 | 39 |  | C3-5 | Cpr, My, C.Pah... | |
| 2 | Rệp sáp | | 2,5 | 50 |  | N-TT | Cpr, C. Sê, Pleiku... | |
| **V** | **Cây Tiêu** - Chăm sóc, quả non | | | | | | | |
| 1 | Chết nhanh | | 6,6 | 33,3 |  | C5-7 | CPr, C.Sê , C.Pưh... | |
| 2 | Chết chậm | | 8,3 | 28,6 |  | C5-7 | C.Pưh, My, C.Sê .. | |
| **VI** | **Cây Mía** – Thu hoạch | | | | | | | |
| 1 | Xén tóc | | 0,4 | 2,0 |  | N-TT | Kb, AK, Đ.pơ | |
| 2 | Bọ hung | | 1,0 | 2,0 |  | N-TT | Đ.Pơ | |
| **VII** | **Cây Điều** - Chăm sóc, quả non | | | | | | | |
| 1 | Bọ xít muỗi | | 5,5 | 28,1 |  | N-TT | | Ia Grai, Kpr |

**2. Diện tích nhiễm sinh vật gây hại chủ yếu**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | | Tổng DTN (ha) | DT phòng trừ (ha) | Phân bố |
| Nhẹ | TB | Nặng | MT |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| **I** | **Cây lúa:** - Gieo sạ- mạ- đẻ nhánh-Đứng cái | | | | | | | |
| 1 | Bọ trĩ | 139,7 |  |  |  | 139,7 | 54,9 | Kb, Cpr, An Khê.... |
| 2 | Tuyến trùng rễ | 156,9 |  |  |  | 156,9 | 51,4 | Đ. Đoa, An Khê, Ia Grai Đ.Pơ |
| 3 | Bệnh đạo ôn | 65 |  |  |  | 65 | 2,0 | Cpr, Pleiku, Krp, Ia Grai |
| 4 | Sâu CLN | 99 |  |  |  | 99 | 13 | C.Prông, Đ.Pơ, Pleiku, K.chro |
| 5 | Sâu đục thân | 27 |  |  |  | 27 | 20 | Đ.cơ, Krp, K.chro |
| 6 | Bệnh khô vằn | 15 |  |  |  | 15 | 15 | Đức Cơ |
| **I** | **Cây Rau** - Các giai đoạn | | | | | | | |
| 1 | Ruồi đục quả (họ bầu bí) | 61,1 |  |  |  | 61,1 | 34,1 | Pleiku, An Khê |
| 2 | Bệnh thán thư (cây ớt) | 70,6 | 57,6 |  |  | 128,2 | 25 | Đ. Pơ, An Khê |
| 3 | Sâu tơ (Họ thập tự) | 48 |  |  |  | 48 | 27 | Pleiku |
| **II** | **Cây Sắn** - thu hoạch | | | | | | | |
| 1 | Bệnh khảm lá virus | 1.132,6 | 31 | 0 |  | 1.163,6 | 0 | Ia Pa, Kb,Phú Thiện, An Khê, K.Pa, , Đ.Pơ |
| **III** | **Cà phê** - Chăm sóc | | | | | | | |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | 3.757 | 79,8 |  |  | 3.836,8 | 397 | Cpr, My, C.Pah... |
| 2 | Rệp sáp | 1.810,5 | 10 |  |  | 1.820,5 | 259,5 | Cpr, C. Sê, Pleiku, Ia Grai, C. Păh |
| **IV** | **Cây Tiêu** - Chăm sóc, quả non | | | | | | | |
| 1 | Bệnh chết nhanh | 42 | 69 | 1,5 |  | 112,5 | 26,5 | CPr, C.Sê , C.Pưh.... |
| 2 | Bệnh chết chậm | 915,7 | 416,7 | 548 |  | 1.880,4 | 1,5 | C.Pưh, My, C.Sê .... |
| **V** | **Cây Mía** – Thu hoạch | | | | | | | |
| 1 | Xén tóc | 187 |  |  |  | 187 | 36 | Kb, Ak, Đ. Pơ |
| 2 | Bọ hung | 35 |  |  |  | 35 | 0 | Đ.Pơ |
| **VI** | **Cây Điều** - Chăm sóc, quả non | | | | | | | |
| 1 | Bọ xít muỗi | 650,5 | 152,5 |  |  | 803 | 314 | Ia Grai, Kpr |

**3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ**

***- Trên cây lúa Đông xuân 2020-2021:*** Bọ trĩ TLH 5,5-20%, DTN 139,7 ha, phân bố rải rác tại Kbang, Chư Prông, An Khê... Sâu cuốn lá nhỏ TLH 10-25%, DTN 99 ha, phân bố cục bộ Chư Prông, Đăk Pơ, Pleiku. Bệnh đạo ôn TLB 6,6-13,6 DTN 65 ha, phân bố tại Pleiku, Chư Prông, Krông Pa, Ia Grai. Tuyến trùng rễ 8,0-20%, DTN 156,9 ha, phân bố cục bộ tại Đăk Đoa, Đăk Pơ, Ia Grai. Bệnh khô vằn TLB 1-10%, DTN 15 ha, phân bố cục bộ tại Đức Cơ.

***- Trên cây rau****:*Ruồi đục quả (họ bầu bí), bệnh thán thư (cây ớt), sâu tơ (họ thập tự) gây hại rải rác tại các vùng trồng rau.

***- Trên cây Cà phê****:*Bệnh gỉ sắt TLB 10-39%, DTN 3.836,8 ha, gây hại giảm so với kỳ trước, phân bố tại các vùng trồng cà phê. Rệp sáp TLH 2,5-50%, DTN 1.820,5 ha, gây hại tương đương so với kỳ trước. Bệnh khô cành, mọt đục cành gây hại rải rác tại các vùng trồng cà phê.

***- Trên cây Tiêu****:* Bệnh vàng lá chết chậm TLB 8,3-28,6%, DTN 1.880,4 ha. Bệnh héo chết nhanh TLB 6,7-33,3%, DTN 112,5 ha, phân bố rải rác tại các vùng trồng tiêu.

***- Trên cây Điều****:* Bọ xít muỗi TLH 5,6-28,1 %, DTN 803 ha, gây hại tại Ia Grai, Krông Pa.

***- Trên cây Chè****:* Bọ trĩ, rầy xanhgây hại cục bộ tại Chư Păh. Các đối tượng sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

***- Trên cây Mía****:* Xén tóc MĐ 0,4-2 con/m2, DTN 187 ha, gây hại tại Kbang, An Khê, Đăk Pơ. Bọ hung MĐ 1 – 2 con/m2, DTN 35 ha, gây hại cục bộ tại Đăk Pơ.

***- Trên cây Sắn****:* Bệnh khảm lá virus diện tích nhiễm trên đồng ruộng 1.163,6 ha (nhẹ 1.132,6 ha, TB 31 ha), gây hại giảm 95 ha so với kỳ trước, phân bố tại Pa Ia (726 ha), Kbang (114,1 ha), Krông Pa (250 ha), Phú Thiện (49 ha), Đăk Pơ (24,5 ha).

***- Trên cây Ngô:*** Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ ở mức thấp trên một số ít ruộng ngô trồng vụ Đông - xuân 2020-2021, giai đoạn sinh trưởng 4-6 lá.

***- Cây trồng khác***:Sâu bệnh hại bình thường, diện tích và mật độ sâu bệnh hại thấp, mức độ gây hại không đáng kể.

**III. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ**

**1.Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***- Trên cây Lúa vụ Đông xuân 2020-2021:***

***+ Trà sớm:*** Sâu đục thân, sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn gây hại rải rác.

***+ Đại trà:*** Bọ trĩ, tuyến trùng rễ tiếp tục gây hại. Sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn lá xuất hiện gây hại.

**+ Trà muộn:** Chú ý theo dõi sâu keo, bọ trĩ xuất hiện gây hại trên các diện tích đã gieo sạ.

***- Trên cây Rau:*** Các đối tượng dịch hại trên rau các loại tiếp tục gây hại.

***- Trên cây Cà phê:*** Bệnh gỉ sắt tiếp tục gây hại. Rệp các loại gây hại rải rác, cục bộ trên cà phê KTCB và trồng mới. Bệnh khô cành gây hại tăng.

***- Trên cây Tiêu:*** Bệnh héo chết nhanh, bệnh vàng lá chết chậm tiếp tục gây hại và biểu hiện rõ triệu chứng.

***- Trên cây Điều:*** Bọ xít muỗi, Sâu đục thân cành, sâu đục rộp lá, ... tiếp tục gây hại.

***- Trên Cây Mía****:* Bọ hung, xén tóc, sâu đục thân tiếp tục gây hại.

***- Trên cây ngô:*** Sâu bệnh gây hại rải rác.

***- Trên cây Sắn:*** Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại tại các vùng trồng sắn.

**2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới**

***- Trên cây lúa* vụ Đông xuân 2020-2021:**

+ Trà sớm: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để nắm bắt tình hình gây hại của sâu đục thân, sâu cuốn lá, bệnh đạo ôn lá để có biện pháp xử lý kịp thời.

+ Đại trà và trà sớm: Hướng dẫn nông dân áp dụng IPM, ICM ngay từ đầu vụ. Những diện tích đã gieo sạ chú ý kiểm tra, theo dõi sâu keo, bọ trĩ xuất hiện gây hại để có biện pháp xử lý kịp thời.

***- Trên cây rau các loại:*** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình rau an toàn, chương trình Việt-GAP trên rau, sản xuất rau hữu cơ.

***- Trên cây cà phê:***  Thường xuyên kiểm tra các khu vực bị nhiễm rệp sáp ở thời vụ trước để có biện pháp phòng trừ tránh lây lan. Tưới nước lần 2 kết hợp với bón phân mùa khô giúp cây sinh trưởng, phát triển tốt. Theo dõi mọt đục cành trên cây cà phê KTCB phòng trừ kịp thời theo chỉ đạo của cơ quan chuyên môn, cắt những cành bị mọt, bệnh gây hại, thu gom mang ra ngoài tiêu hủy để giảm nguồn lây lan. Chuẩn bị tưới nước để cho cây cà phê ra hoa đồng loạt.

Các vườn cà phê tái canh khi thực hiện cần tuân thủ theo Quy trình tái canh cà phê vối ban hành kèm theo Quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT, ngày 31/5/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT.

***- Trên cây tiêu:*** Củng cố đai rừng chắn gió, chăm sóc cây che bóng, không rong tỉa cây choái sống để che nắng, che gió trong mùa khô. Kiểm tra diễn biến của tuyến trùng gây hại rễ, nếu thấy rễ có nhiều nốt u sần cần xử lý thuốc phòng trừ tuyến trùng đã được cơ quan chuyên môn khuyến cáo như các loại thuốc có hoạt chất *Abamectin (Solvigo 108 SC, Tervigo 020 SC)*, *Landsaver 18 EC* kết hợp với *Mancozeb (Ridomil gold 68 WP, Mataxyl 500 WP)* theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Đối với vườn tiêu kiến thiết cơ bản: Bón phân cân đối, đầy đủ, chú ý không bón sát gốc, kiểm tra phát hiện rệp mềm hại đọt non để phòng trừ sớm.

***- Trên cây mía:*** Khuyến cáo, hướng dẫn người dân tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thu hoạch. Khi thu hoạch nên chặt sát gốc, vệ sinh đồng ruộng, thu gom tàn dư thực vật tiêu hủy. Xử lý đất, hom giống trước khi trồng, tuân thủ quy trình trồng, chăm sóc theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

***- Trên cây sắn:*** Những diện tích sắn bị nhiễm bệnh sau khi thu hoạch xong cần tiến hành tiêu hủy toàn bộ tàn dư thực vật (gốc, thân, lá) trên đồng ruộng. Vận động nông dân trồng sắn vụ Đông xuân 2020-2021 đúng thời vụ, kiểm soát không được phép lấy hom giống sắn từ những vùng bị nhiễm bệnh để trồng hoặc đưa sang các vùng khác chưa bị bệnh để trồng. Khuyến cáo người dân không sử dụng giống sắn HL-S11 vào trong sản xuất để ngăn chặn sự lây lan của bệnh khảm lá virus hại sắn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt việc vận chuyển, buôn bán hom giống trên địa bàn; xử lý nghiêm các hành vi trao đổi, mua bán giống sắn bị nhiễm bệnh khảm lá hoặc các giống sắn không rõ nguồn gốc. Thường xuyên điều tra phát hiện kịp thời bệnh khảm lá sắn trên địa bàn, chỉ đạo tiêu hủy ngay khi phát hiện và xác minh nguồn gốc để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tập huấn, thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức, nâng cao nhận thức của nhân dân về cách phát hiện bệnh và các biện pháp phòng trừ. Phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá virus để tránh lây lan nguồn bệnh. Khi tiến hành tiêu hủy cần tuyệt đối tuân thủ những yêu cầu về an toàn lao động, kiểm soát chặt chẽ an toàn khi sử dụng thuốc BVTV, môi trường.

***- Trên cây ngô:*** Kiểm tra sự phát sinh gây hại của sâu keo mùa thu để có biện pháp xử lý sớm không để lây lan.

***- Trên cây trồng khác:*** Theo dõi diễn biến của các đối tượng dịch hại, nếu phát hiện sâu bệnh xuất hiện gây hại thì báo ngay cho Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thị xã, thành phố hoặc Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh (điện thoại 02693.872.360) để được hướng dẫn biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả./.

***Nơi nhận:* KT. CHI CỤC TRƯỞNG**

- Trung tâm BVTV Miền Trung; **PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

- Sở Nông Nghiệp và PTNT;

- Chi cục TT và BVTV Đăk Lăk, Kon Tum;

- Lưu: VT, BVTV.

**Trần Xuân Khải**

**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ**

*(Từ ngày 27/01/2021 đến ngày 02/02/2021)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên SVGH** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **Tổng DTN (ha)** | **So sánh DTN (+/-)** | | **DT phòng trừ (ha)** | **Phân bố** |
| **Nhẹ** | **TB** | **Nặng** | **MT** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| **I** | **Cây Sắn** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bệnh khảm lá virus | 1.132,6 | 31 | 0 |  | 1.163,6 | -95,0 | -605,5 | 0 | Ia Pa, Kb, Phú Thiện, Đăk Pơ, K.Pa |
| **II** | **Cây Cà phê** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bệnh gỉ sắt | 3.757 | 79,8 |  |  | 3.836,8 | -9,8 | -74,6 | 397 | C.pr, My, C.Pah .... |
| 2 | Rệp sáp | 1810,5 | 10 | 0 |  | 1.820,5 | 0,8 | 1.293,5 | 259,5 | C.Prông, C.Sê, Pleiku... |
| **III** | **Cây Tiêu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Bệnh chết nhanh | 42 | 69 | 48 |  | 112,5 | 0 | -132,2 | 26,5 | CPr, Đăk Đoa, C.Pưh, ... |
| 2 | Bệnh chết chậm | 915,7 | 416,7 | 548 |  | 1.880,4 | 0 | -400,8 | 241 | C.Pưh, My, C.Sê, ... |